

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN LẠC  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DS-ST

Ngày 08 - 01- 2020

“V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- ***Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Hoàng Minh Tuấn

- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1/ Bà Bùi Thị Kim Thanh

2/ Bà Trần Thị Thanh Tâm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện YL.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Xuân - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 01 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2019/TLST- DS ngày 10 tháng 06 năm 2019 “ V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐST- DS ngày 09 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Bà Đỗ Thị P, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Phương Nh, xã Hồng Ph, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc

***Bị đơn:*** Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn PL, xã TH, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/ Ông Phan Đình L, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn Phương Nh, xã Hồng Ph, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc.

***Người đại diện theo ủy quyền của anh Lương là:*** Chị Đỗ Thị P, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn Phương Nh, xã Hồng Ph, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

2/ Ông Nguyễn Việt T, sinh năm 1961(vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn PL, xã TH, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 27/5/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị P trình bày:

Bà và vợ chồng ông T, bà H có quan hệ quen biết từ nhiều năm trước. Ngày 18/3/2012 (âm lịch) tức ngày 08/4/2012(dương lịch), bà Ph cho bà H vay 90,000,000đ (tiền này là tài sản chung của bà Ph và ông L); thời hạn vay 01 tháng kể từ ngày 08/4/2012(dương lịch); lãi suất các bên tự thỏa thuận. Bà H đã trả cho bà được 03 tháng tiền lãi là 5,100,000đ, sau đó không trả khoản tiền gốc lãi nào mặc dù bà đã yêu cầu trả nợ nhiều lần. Bà Ph đề nghị buộc bà H phải trả cho bà và chồng bà là ông L số tiền đã vay là 90.000.000đ, tiền lãi đã trả vượt quá quy định bà Ph đề nghị trừ vào tiền gốc và không đề nghị tính lãi suất. Quá trình giải quyết vụ án, ông T cho rằng bà còn nợ 101,800,000đ tiền sim thẻ điện thoại và đề nghị trừ vào số tiền vợ ông là bà H vay của bà Ph. Bà Ph chỉ thừa nhận nợ ông T 10,000,000đ và không đồng ý trừ vào số tiền vợ ông T là bà H vay chưa trả.

Bị đơn là bà Đỗ Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã tiến hành lời khai, bà H trình bày: Bà thừa nhận chữ ký, chữ viết dưới phần người vay là của bà nhưng bà không đồng ý đến Tòa án để làm việc mà đề nghị để tự giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Việt T trình bày: Bà H là vợ ông vay tiền của bà Ph ông không biết. Do quen biết làm ăn, từ cuối năm 2012 đến tháng 10/2014 bà Ph 08 lần mua sim thẻ điện thoại của ông tổng số tiền là 101,800,000đ chưa trả. Ông đề nghị số tiền bà Ph nợ ông trừ vào số tiền bà H vay của bà Ph, Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hướng dẫn ông về việc làm đơn yêu cầu độc lập nhưng ông T không có yêu cầu mà chỉ trình bày như trên.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Đỗ Thị P.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng và quan hệ tranh chấp: Bà H vay tiền của bà Ph đến hạn không trả như đã thỏa thuận, bà Ph có đơn khởi kiện buộc bà H phải trả tiền đã vay, do vậy xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc. Khi mở phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với ông T và bà H nhưng đều vắng mặt không có lý do nên căn cứ quy định của pháp luật Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung mà không hoãn phiên tòa.

[2]. Xét yêu cầu của các đương sự:

Ngày 18/3/2012 (âm lịch) tức ngày 08/4/2012(dương lịch), bà Ph cho bà H vay 90,000,000đ (tiền này là tài sản chung của bà Ph và ông L); thời hạn vay 01 tháng kể từ ngày 08/4/2012(dương lịch), khi vay có viết giấy vay tiền, bà H thừa nhận chữ ký và chữ viết ở phần người vay là của bà. Như vậy có căn cứ khẳng định, bà H vay của vợ chồng bà Ph 90.000.000đ như trên. Khi bà H vay tiền của bà Ph, ông T là chồng bà H không biết nên khẳng định chỉ có bà H vay tiền của vợ chồng bà Ph. Về lãi xuất theo bà Ph 02 bên tự thỏa Thuận, bà Ph thừa nhận bà H đã trả 03 tháng tiền lãi 5,100,000đ, tiền gốc chưa trả. Bà Ph đề nghị buộc bà H phải trả cho bà và chồng bà là ông L số tiền đã vay là 90.000.000đ, tiền lãi đã trả vượt quá quy định bà Ph đề nghị trừ vào tiền gốc và không đề nghị tính lãi suất. Quá trình giải quyết vụ án, ông T cho rằng bà Ph còn nợ 101,800,000đ tiền sim thẻ điện thoại và đề nghị trừ vào số tiền vợ ông là bà H vay của bà Ph. Bà Ph chỉ thừa nhận nợ ông T 10,000,000đ và không đồng ý trừ vào số tiền vợ ông T là bà H vay chưa trả. Xét thấy yêu cầu của bà Ph là có căn cứ cần chấp nhận, buộc bà H phải trả cho bà Ph số tiền còn nợ cụ thể như sau: Theo quy định tại Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005, lãi suất cho vay không được vượt 150% lãi suất cơ bản. Thời điểm bà H trả lãi cho bà Ph là năm 2012, lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định là 9%/năm do vậy tiền lãi bà H trả cho bà Ph được tính là:  $13,5\% \times 03 \text{ tháng} \times 90,000,000\text{đ} = 3,038,000\text{đ}$ . Bà H đã trả lãi cho bà Ph vượt quá lãi suất quy định trên là:  $5,100,000\text{đ} - 3,038,000\text{đ} = 2,062,000\text{đ}$ . Phần lãi vượt quá quy định sẽ được trừ vào tiền gốc bà H còn nợ bà Ph là  $90,000,000\text{đ} - 2,062,000\text{đ} = 87,938,000\text{đ}$  (tính tròn). Như vậy, cần buộc bà H phải trả cho ông L và bà Ph số tiền là 87,938,000đ (tính tròn). Do bà Ph không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[6]. Về án phí: Bà Đỗ Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật. Bà Đỗ Thị P không phải chịu án phí và được trả lại 3.475.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/0005722 ngày 10/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện YL.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 305, 471, 473, 474, khoản 1 Điều 476, Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 147 Bộ tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1/ Buộc bà Đỗ Thị H trả cho bà Đỗ Thị P và ông Phan Đình L 87,938,000đ (tính tròn).

“Kể từ ngày bà Đỗ Thị P và ông Phan Đình L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Đỗ Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.”

2/ Về án phí: Bà Đỗ Thị H phải chịu 4,396,000đ (tính tròn) án phí dân sự sơ thẩm. Chị Đỗ Thị P không phải chịu án phí và được trả lại 3.475.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/0005722 ngày 10/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện YL.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

### ***Nơi nhận:***

- Viện Kiểm sát nhân dân huyện YL;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện YL;
- UBND nơi đương sự đăng ký kết hôn;
- Các đương sự ( Đề thi hành);
- Lưu HS - AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Hoàng Minh Tuấn**